

PHỤ LỤC

Nội dung sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 03/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số vị trí đất quy định tại Phụ lục II- Bảng giá đất ở tại nông thôn quy định tại Điểm b, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương (*Sau đây gọi tắt là Phụ lục II*) như sau (*Chi tiết ở Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này*):

a) Bổ sung, bãi bỏ một số vị trí đất và mức giá của thành phố Hải Dương trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Bổ sung:

“Đất ven đường Vành đai I (đoạn thuộc xã Liên Hồng)”;

“Đường trục xã Gia Xuyên (đoạn từ đường Thạch Khôi - Gia Xuyên đến Quốc lộ 37)”;

“Đất ven đường Vành đai I (đoạn thuộc xã Ngọc Sơn)”;

“Trục xã Quyết Thắng (đoạn từ đường tỉnh 390 đến xã Tiền Tiến)”;

“Đường trục xã An Thượng (đoạn từ đường dẫn Cầu Hàn đến Cầu Đình Đông)”;

Bãi bỏ:

“Đất nằm giáp trục đường chính của các thôn thuộc xã An Thượng: Thôn Chùa Thượng: Từ nhà ông Cương (thửa số 21, tờ BĐDC số 13) đến nhà ông Trịnh (thửa số 9, tờ BĐDC số 12); Thôn Đồng: Từ nhà ông Hưng (thửa số 68, tờ BĐDC số 17) đến nhà ông Bắc (thửa số 87, tờ BĐDC số 16); Thôn Tiên: Từ nhà ông Hiệu (thửa số 48, tờ BĐDC số 22) đến nhà ông Cảnh (thửa số 19, tờ BĐDC số 23), từ nhà ông Thiết (thửa số 88, tờ BĐDC số 22) đến nhà bà Ý (thửa số 85, tờ BĐDC số 23), từ nhà ông Dũng (thửa số

17, tờ BĐDC số 24) đến nhà ông Ngọ (thửa số 18, tờ BĐDC số 25), từ nhà ông Mãi (thửa số 53, tờ BĐDC số 24) đến nhà bà Tách (thửa số 61, tờ BĐDC số 25); Thôn Trác Châu: Từ nhà ông Biện (thửa số 37, tờ BĐDC số 39) đến nhà ông Tác (thửa số 19, tờ BĐDC số 23), từ nhà ông Nam (thửa số 67, tờ BĐDC số 40) đến nhà bà Liên (thửa số 3, tờ BĐDC số 32), từ nhà bà Lận (thửa số 56, tờ BĐDC số 40) đến nhà ông Thao (thửa số 20, tờ BĐDC số 33), từ nhà ông Kiên (thửa số 35, tờ BĐDC số 41) đến nhà ông Tiến (thửa số 36, tờ BĐDC số 34), từ nhà ông Tuyền (thửa số 9, tờ BĐDC số 35) đến nhà ông Nghi (thửa số 100, tờ BĐDC số 32)”;

“Đất thuộc các khu vực còn lại của các xã: An Thượng và các xã còn lại của thành phố Hải Dương”.

b) Sửa đổi giá đất, tên vị trí, bổ sung một số vị trí đất của Thành phố Chí Linh trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Sửa đổi giá đất:

“Đất ven Quốc lộ 37 (đoạn thuộc xã Lê Lợi)”

“Đất ven đường tỉnh 398 (đoạn thuộc xã Hoàng Hoa Thám)”.

Sửa đổi giá đất và tên: “Đất ven đường huyện còn lại” thành “Đất ven đường tỉnh, huyện còn lại”.

“Đường tỉnh lộ 398 thuộc xã Hưng Đạo (đoạn từ nhà ông Toàn đến cổng chùa Bắc Đẩu)”;

“Đường tỉnh lộ 398 thuộc xã Hưng Đạo (đoạn từ dốc nguy hiểm đến cuối bến phà Đồng Việt)”;

“Đường tỉnh lộ 398 (đoạn thuộc xã Hoàng Hoa Thám)”.

Bổ sung:

“Đất ven đường tỉnh 398 (đoạn thuộc xã Lê Lợi)”;

c) Sửa đổi giá đất vị trí đất của Thị xã Kinh Môn trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Sửa đổi giá đất: “Đất ven đường huyện”.

d) Sửa đổi giá đất, bổ sung một số vị trí đất của huyện Bình Giang trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*),

các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Sửa đổi giá đất:

“Đất ven đường tỉnh 394 (đoạn thuộc các xã: Thúc Kháng, Thái Dương)”;

“Đất ven đường tỉnh 395 (từ đường 394 đi đập Bá Thủy thuộc địa phận xã Long Xuyên)”;

“Đất ven đường huyện”.

Bổ sung (Bảng 3):

“Khu dân cư mới thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh (còn gọi là khu Hudland)”;

“Khu dân cư mới phía Nam thôn Cây xã Long Xuyên”.

đ) Sửa đổi giá đất và bổ sung một số vị trí đất của huyện Nam Sách trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Sửa đổi mức giá đất:

“Đất ven huyện lộ 5B (đoạn qua các xã Phú Điền, Cộng Hòa, huyện Nam Sách)”;

“Đất ven đường huyện”.

Bổ sung:

“Đất ven đường dẫn phía Bắc cầu Hàn (đoạn từ đường 5B đến Quốc lộ 37)”;

“Đất ven đường giao thông kết nối đường dẫn cầu Hàn đi xã Thái Tân, huyện Nam Sách (đoạn nối đường trục xã Nam Hồng đến đường 390D)”;

“Đất ven giao thông ven Khu công nghiệp An Phát 1 (đoạn từ Quốc lộ 37 đến đường trục xã Cộng Hòa)”.

e) Sửa đổi giá đất một số vị trí đất của huyện Thanh Hà trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Sửa đổi giá đất:

“Đất ven đường tỉnh 390 (đoạn thuộc xã Thanh Quang và đoạn từ trường THPT Hà Đông đến ngã 3 chợ Đình thuộc xã Thanh Cường)”;

“Đất ven đường tỉnh 390 thuộc xã Thanh An”;

“Đất ven đường tỉnh 390 còn lại”;

“Đất ven đường huyện”.

g) Bổ sung vị trí đất của huyện Kim Thành trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Bổ sung:

“Đường tránh Thị trấn Phú Thái (từ ngã 3 Quảng trường 20.9 - Bệnh viện Kim Thành đến vòng xuyên Kim Anh, Ngũ Phúc)”.

h) Sửa đổi giá đất một số vị trí đất của huyện Ninh Giang trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

Sửa đổi giá đất:

“Đất ven đường tỉnh 396B”;

“Đất ven đường tỉnh 396C (đoạn thuộc xã Tân Hương)”;

“Đất ven đường tỉnh 392 (đoạn thuộc xã Vạn Phúc)”;

“Đất thuộc Khu dân cư bến xe cũ (khu B, khu C) có mặt cắt đường Bn <= 13,5m thuộc Khu dân cư mới phía Bắc thuộc xã Đồng Tâm”;

“Đất ven đường tỉnh 396C (đoạn còn lại)”

“Đất ven đường huyện”.

i) Sửa đổi giá đất tại Bảng 2- Đất ở còn lại ở nông thôn, Phụ lục II như Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

k) Bổ sung Bảng 3. Đất ở tại các Khu dân cư, điểm dân cư mới như Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số vị trí đất thuộc Phụ lục III- Bảng giá đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) quy định tại Điểm c, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương (*Sau đây gọi tắt là Phụ lục III*) chi tiết như phụ lục II kèm theo Quyết định này. Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số vị trí đất tại Bảng 1. Thành phố Hải Dương của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Loại III -Nhóm C:

Bãi bỏ:

“Đường từ Nguyễn Đại Năng đến đường Vũ Hựu (Khu dân cư thương mại Thanh Bình)”.

- Loại III -Nhóm D:

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi:

“*Nguyễn Sinh Sắc (đoạn từ đại lộ Lê Thanh Nghị đến chùa Đống Cao)*”;

“*Đại lộ Võ Nguyên Giáp (đoạn từ Quảng trường đến cầu Lộ Cương, phường Tứ Minh)*”.

- Loại III - Nhóm E:

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Nhị Châu: “*Mạc Đức Tuấn*”.

- Loại IV - Nhóm A:

Sửa đổi:

“*Phạm Xuân Huân (đoạn từ Nguyễn Bình Khiêm đến Lương Thế Vinh)*”
từ Loại IV - nhóm A thành Loại III - nhóm B;

“*Lê Thanh Nghị (đoạn từ Công ty Giấy cũ đến cầu Phú Tảo)*” từ Loại IV - nhóm A thành Loại III - nhóm D;

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Tân Hưng:

“*Trần Nhật Duật*”; “*Nguyễn Sinh Sắc (đoạn từ chùa Đống Cao đến phố Lương Như Hộc)*”; “*Trần Duệ Tông*”; “*Huyền Quang*”; “*Vương Phúc Chính*”; “*Đình Liệt*”; “*Trần Hiến Tông*”; “*Vương Hữu Lê*”; “*Lê Anh Tông*”; “*Đường trong khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng có mặt cắt đường $B_n \geq 21m$* ”.

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi:

“*Hoàng Thị Loan (đoạn từ phố Nguyễn Sinh Sắc đến phố Vương Phúc Chính)*”; “*Trần Duệ Tông (đoạn từ phố Nguyễn Sinh Sắc đến phố Trần Hiến Tông)*”;

- Loại IV - Nhóm B:

Sửa đổi:

“*Lạc Long Quân*” từ loại IV - nhóm B thành loại III - nhóm C;

“*Nguyễn Đại Năng*” từ loại IV - nhóm B thành loại III - nhóm C;

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi: “*Gia Phúc (đoạn từ cầu Phú Tảo đến Kho A34)*”.

Vị trí thuộc phường Nhị Châu: “*Hữu Nghị*”; “*Tôn Thất Tùng*”.

- Loại IV - Nhóm C:

Sửa đổi: “*Phố Thạch Khôi*” từ Loại IV - nhóm C thành Loại IV - Nhóm B;

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi:

“*Lê Hiến Tông (đoạn từ Phố Lý Nhân Tông đến phố Lê Văn Thịnh)*”;
 “*Nguyễn Huy Tường (đoạn từ Phố Đình Lễ đến phố Lý Nhân Tông)*”; “*Lý Thái Tông (đoạn từ phố Lê Văn Thịnh đến phố Lý Nhân Tông)*”; “*Trương Định (đoạn từ phố Đình Lễ Tài đến phố Lý Nhân Tông)*”; “*Quyết Tâm (đoạn từ phố Đình Lễ đến phố Lý Nhân Tông)*”; “*Đình Lễ (đoạn từ phố Lý Thái Tông đến phố Nguyễn Huy Tường)*”; “*Lý Nhân Tông (đoạn từ Phố Nguyễn Huy Tường đến phố Lê Văn Thịnh)*”.

Các vị trí thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương (*thuộc xã Liên Hồng*):

“*Phố Trường Sơn (điểm đầu: Đại lộ Võ Nguyên Giáp; điểm cuối: Hết Đại học Hải Dương)*”; “*Phố Nguyễn Huyền (điểm đầu: Chân cầu Lộ Cương; điểm cuối: Nút giao Tầng Thượng)*”.

Vị trí thuộc phường Trần Hưng Đạo:

“*Trần Huyền Trân*”;

Vị trí thuộc phường Nhị Châu:

“*Phạm Minh*”; “*Phạm Phú Thứ*”; “*Phùng Khắc Khoan*”.

Bãi bỏ: “*Phố Thạch Khôi*” (*thuộc phường Thạch Khôi*).

- Loại IV -Nhóm D:

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi:

“*Lê Văn Thịnh (đoạn từ phố Lý Triện đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Đại lộ Võ Nguyên Giáp (đoạn còn lại)*”;

Vị trí thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương (*thuộc xã Liên Hồng*):

“*Phố Âu Cơ (điểm đầu: Đại lộ Võ Nguyên Giáp; điểm cuối: Ngã tư thôn Đồng Lại)*”; “*Phố Vũ Huyền (điểm đầu: phố Âu Cơ; điểm cuối: Đường Vành đai I)*”; “*Phố Nguyễn Bắc (điểm đầu: Đường Vành đai I; điểm cuối: Nút giao Tầng Thượng)*”; “*Nguyễn Thiện*”.

Vị trí thuộc phường Nhị Châu:

“*Dương Đình Nghệ*”; “*Vũ Duy Hàn*”.

Bãi bỏ:

“*Đường ven Quốc lộ 37 (đoạn từ cầu Phú Tảo đến hết phường Thạch Khôi)*”;

“*Đường nhánh có $Bn \geq 21m$ và đường giáp Quốc lộ 37 trong Khu dân cư thương mại và tiểu thủ công nghiệp Thạch Khôi*”.

- Loại IV - Nhóm E:

Sửa đổi:

“*Lương Định Cửa*” từ Loại IV - Nhóm E thành Loại IV - Nhóm D;

“*Mai Độ (đoạn đê sông Thái Bình đến phố Nhị Châu)*” thành “*Đường Mai Độ (đoạn từ đường giáp đê sông Thái Bình đến đường Mai Ngô)*”.

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Tân Hưng:

“*Lê Hiến Tông*”; “*Nguyễn Mậu Tài*”; “*Đỗ Vinh*”; “*Nguyễn Bính*”; “*Vương Bạt Tụy (đoạn từ phố Nguyễn Mậu Tài đến phố Vương Hữu Lễ)*”; “*Vương Tảo (đoạn từ phố Nguyễn Mậu Tài đến phố Vương Hữu Lễ)*”; “*Vương Bảo*”; “*Triệt Quốc Đạt*”; “*Bạch Thái Bưởi*”; “*Đường trong khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng có mặt cắt đường Bn < 15,5m*”.

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi:

“*Đàm Thận Huy (đoạn từ Phố Lý Nhân Tông đến phố Lê Văn Thịnh)*”; “*Nguyễn Hồng Công (đoạn từ Phố Đàm Thận Huy đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Lý Nhân Nghĩa (đoạn từ Phố Đàm Thận Huy đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Lý Kế Nguyên (đoạn từ phố Đàm Thận Huy đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Nguyễn Phương Nương (đoạn từ phố Đàm Thận Huy đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Đàm Quang Trung (đoạn từ phố Đàm Thận Huy đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Lê Văn Khôi (đoạn từ phố Đàm Thận Huy đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Lê Thạch (đoạn từ phố Lê Văn Khôi đến phố Lý Thái Tông)*”; “*Lê Văn Thịnh (đoạn từ phố Lý Triện đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Trần Quang Khải (đoạn từ phố Lý Nhân Tông đến chợ Hui)*”; “*Ấu Lạc (đoạn từ phố Thạch Khôi đến Đầu khu dân cư Nguyễn Xá)*”; “*Lễ Quán (đoạn từ Phố Đông Đô đến phố Thạch Khôi)*”; “*Đồng Bưởi (đoạn từ Phố Ấu Lạc đến Cánh đồng Già)*”; “*Đông Đô (đoạn từ phố Ấu Lạc đến Cánh đồng Già)*”; “*Lê Hiến Tông (đoạn từ phố Đỗ Vinh đến phố Vương Phúc Chính)*”; “*Dương Luân (đoạn từ phố Lê Hiến Tông đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Nguyễn Bính (đoạn từ phố Hoàng Thị Loan đến phố Đỗ Vinh)*”; “*Phan Huy Chủ (đoạn từ phố Lê Hiến Tông đến phố Lê Hiến Tông)*”; “*Nguyễn Mậu Tài (đoạn từ phố Lê Hiến Tông đến phố Trần Hiến Tông)*”; “*Đường Vành đai I (đoạn đi qua phường Thạch Khôi)*”.

Vị trí thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương (thuộc xã Liên Hồng):

“*Phố Phạm Vĩnh Toán (điểm đầu: Đường Vành đai I; điểm cuối: phố Nguyễn Huyền)*”; “*Phố Tân Thượng (điểm đầu: Vòng xuyên Tân Thượng; điểm cuối: Vòng xuyên xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc)*”; “*Phố Tam Thanh (điểm đầu: Ngã tư thôn Thanh Xá; điểm cuối: Ngã ba Tân Thượng)*”; “*Phố Nguyễn Địa Lô (điểm đầu: Ban quản lý Công ty CPĐT thảo dược Thành Đông;*

điểm cuối: phố Nguyễn Huyền); “*Phố Vũ Đăng Khu (điểm đầu: Ban quản lý Công ty CPĐT thảo dược Thành Đông; điểm cuối: phố Trường Sơn)*”; “*Phố Vũ Huy Tấn (điểm đầu: Phố Âu Cơ; điểm cuối: Đường Vành đai I)*”; “*Phố Hồ Đức Phong (điểm đầu: Phố Âu Cơ; điểm cuối: Đường Vành đai I)*”.

Vị trí thuộc phường Bình Hàn: “*Tạ Quang Bửu*”.

Vị trí thuộc phường Thanh Bình: “*Trần Quang Triều*”.

Vị trí thuộc phường Tứ Minh:

“*Trường Tân*”; “*Nguyễn Văn Siêu*”; “*Đỗ Công Đàm*”; “*Lê Hiến Phủ*”.

Vị trí thuộc phường Nam Đồng:

“*Đường Vũ La từ Quốc lộ 5 đến đường tỉnh lộ 390*”; “*Đường Vương Đình Thế từ trường Hàn Giang đến đoạn Chân cầu 789 giáp phường Ái Quốc*”; “*Đường Tân Lập: từ Quốc lộ 5 Km 56 đến Sông Hương giáp xã Tiền Tiến*”; “*Cúc Phương*”.

Vị trí thuộc phường Nhị Châu:

“*Dân Chủ*”; “*Tuổi Trẻ*”; “*Đồng Tâm*”.

Bãi bỏ:

“*Các đường phố còn lại thuộc phố chợ, phố Đông Lạnh, Khu tiểu thủ công nghiệp và Khu dân cư mới phường Thạch Khôi*”.

“*Đường trục xã Gia Xuyên (đoạn từ đường Thạch Khôi - Gia Xuyên đến Quốc lộ 37)*” (Chuyển sang đất ở nông thôn).

- Loại V -Nhóm A:

Sửa đổi:

“*Lê Lai*” từ Loại V-Nhóm A lên Loại II -Nhóm E.

Bổ sung:

Vị trí thuộc phường Thạch Khôi:

“*Lý Triệu (đoạn từ phố Lý Nhân Tông đến phố Lê Văn Thịnh)*”; “*Trần Anh Tông (đoạn từ phố Trần Quang Khải đến phố Nguyễn Huy Tưởng)*”.

Vị trí thuộc phường Lê Thanh Nghị: “*Nguyễn Gia Thiều*”.

Vị trí thuộc phường Tân Bình:

“*Đặng Văn Ngữ*”; “*Đặng Trần Côn*”; “*Bình Lâu*”; “*Đặng Tất*”; “*Đỗ Hành*”; “*Lương Văn Can*”; “*Tôn Thất Tùng*”.

Vị trí thuộc phường Ngọc Châu: “*Phạm Duy Quyết*”.

Vị trí thuộc phường Tứ Minh:

“*Vĩnh Dụ*”; “*Thượng Hồng*”; “*Nguyễn Tế*”; “*Quyết Tiến*”; “*Nguyễn Hồng*”; “*Nguyễn Quang Tá*”.

Bãi bỏ:

“Đường nhánh có mặt cắt đường $B_n < 15m$ trong Khu dân cư thương mại và tiểu thủ công nghiệp Thạch Khôi”.

- Loại V-Nhóm B:

Sửa đổi:

“Trần Ích Phát”, “Trần Quang Diệu”, “Vũ Nạp”, “Vũ Như Tô” từ Loại V - Nhóm B thành Loại IV - Nhóm D;

“Mai Ngô (đoạn giáp khu đô thị Âu Việt đến đê sông Thái Bình)” từ Loại V - Nhóm B thành Loại V - Nhóm A;

“Mai Độ (đoạn giáp khu đô thị Âu Việt đến đê phố Nhị Châu)” thành “Đường Mai Độ (đoạn từ đường Mai Ngô đến phố Nhị Châu)”.

Bổ sung:

Vị trí đất thuộc phường Thạch Khôi: “Áu Lạc (đoạn từ Đình Lễ Quán đến phố Thạch Khôi)”.

Vị trí đất thuộc phường Ái Quốc: “Phố Trà Hương”; “Phố Lê Hùng”; “Phố Trần Đào”; “Phố Trần Thọ”; “Phố Bùi Tổ Trứ”; “Phố Lê Đình Trật”; “Phố Lê Độ”; “Phố Nguyễn Đắc Lộ”; “Phố Phạm Hiến”.

Vị trí đất thuộc phường Ngọc Châu: “Đông Sơn”; “Đông Khê”; “Đông Kinh”; “Đồng Khởi”; “Lam Sơn”; “Nguyễn Biểu”.

Vị trí đất thuộc phường Tứ Minh: “Nguyễn Dịch Huân”; “Lê Gia Đình”; “Đàm Tuy”; “Phạm Trí Khiêm”; “Tiền Lệ”; “Nguyễn Thừa Vinh”; “Khúc Thừa Hạo”; “Nguyễn Bình Di”; “Khúc Thừa Mỹ”; “Trương Hanh”; “Bùi Công Chiêu”; “Nguyễn Kính Tuân”; “Vũ Thiệu”.

- Loại V -Nhóm C:

Sửa đổi:

“Đường trục chính của các khu dân cư: Khuê Liễu, Khuê Chiền, Liễu Tràng, Thanh Liễu và đoạn đường từ cổng Đồng Nghệ đến địa giới phường Thạch Khôi thuộc phường Tân Hưng” thành “Đường trục chính của các khu dân cư Khuê Liễu, Khuê Chiền (đoạn từ đường Lương Như Hộc đến thửa đất số 12, tờ bản đồ số 18; đoạn từ đường Lương Như Hộc qua nhà Văn hóa khu Khuê Liễu, nhà Văn hóa khu Khuê Chiền đến thửa đất số 133, tờ bản đồ số 20 và đoạn từ đường Lương Như Hộc đến nhà trẻ khu Khuê Liễu) và đoạn từ phố Thanh Liễu đến địa giới phường Thạch Khôi thuộc phường Tân Hưng”.

Bổ sung:

Vị trí đất thuộc phường Tân Hưng: “*Thanh Liễu*”; “*Phúc Liễu*”; “*Liễu Tràng*”; “*Đường quy hoạch trong khu dân cư Liễu Tràng*”.

Vị trí đất thuộc phường Thạch Khôi: “*Lý Thái Tông (đoạn từ phố Lê Văn Thịnh đến ngã 3 Phú Tảo)*”.

- Loại V - Nhóm D:

Bổ sung:

Vị trí đất thuộc phường Nam Đồng:

“*Đường Cúc Phương từ đoạn từ ngã ba Thôn Nhân Nghĩa giao với đường tỉnh lộ 390 đến hết thửa 48, tờ bản đồ số 59 giáp trường mầm non 19/5*”;

“*Đường Đại Phương đoạn từ thửa 18, tờ bản đồ số 50 đến ngã ba thửa 4, tờ bản đồ số 62*”.

Bãi bỏ:

“*Đường trục xã An Thượng (đoạn từ Cầu Hàn đến Cầu Đình Đông)*”
(*chuyển sang đất ở nông thôn*).

- Loại V - Nhóm E:

Bổ sung:

Vị trí đất thuộc phường Tân Hưng: “*Đông Quan*”; “*Cương Xá*”; “*Bảo Thái*”.

Vị trí đất thuộc phường Ái Quốc: “*Phố Lê Sĩ Dũng*”; “*Phố Nguyễn Thông*”; “*Phố Ngọc Trì*”.

Vị trí đất thuộc phường Nam Đồng: “*Đường Đại Phương đoạn từ ngã ba thửa 4, tờ bản đồ số 62 đến hết thửa 39, tờ bản đồ số 69*”.

b) Sửa đổi, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 2. Thành phố Chí Linh của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Phường Sao Đỏ:

+ Loại II -Nhóm A:

Sửa đổi:

“*Đường Bạch Đằng*” từ Loại II - Nhóm A sang Loại I - Nhóm D.

+ Loại II -Nhóm B:

Sửa đổi:

“*Nguyễn Huệ (đoạn từ ngã 4 Sao Đỏ đến đường tàu)*” từ Loại II - Nhóm B sang Loại II - Nhóm A.

Bổ sung:

“*Đường trong Khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo, mặt cắt đường $B_n=20,5m$* ”.

+ Loại II -Nhóm C:

Bổ sung:

“Đường Nguyễn Chí Thanh”;

“Đường trong Khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo, mặt cắt đường $B_n=18m$ ”.

+ Loại III - Nhóm A:

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo, mặt cắt đường $B_n=17,5m$ ”.

+ Loại III -Nhóm B:

Sửa đổi:

“Nguyễn Huệ (đoạn từ đường tàu đến bốt điện)” từ Loại III - Nhóm B lên Loại II - Nhóm B;

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo, mặt cắt đường $B_n=16m$ và $B_n=12m$ ”.

+ Loại III -Nhóm C:

Sửa đổi:

“Nguyễn Huệ (đoạn còn lại)” từ Loại III - Nhóm C lên Loại III - Nhóm B.

- Phường Cộng Hòa:

+ Loại I -Nhóm B:

Bổ sung:

“Đường trong Khu đô thị Đại Sơn, mặt cắt đường $B_n=26,0m$ ”.

+ Loại I -Nhóm C:

Bổ sung:

“Đường trong Khu đô thị Đại Sơn, mặt cắt đường $B_n=20,5m$ ”;

“Đường trong Khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa, mặt cắt đường $B_n=16,0m$ ”.

+ Loại II -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Quốc lộ 37 (đoạn từ hồ Côn Sơn đến ngã 3 An Lĩnh thuộc khu dân cư Chúc Thôn Tiên Sơn)” từ Loại II-Nhóm A lên Loại I và lập thêm thành Nhóm D.

Bổ sung:

“Đường trong Khu đô thị Đại Sơn, mặt cắt đường $B_n=17,5m$ ”;

“Đường trong Khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa, mặt cắt đường $10,0m \leq B_n \leq 10,5m$ ”.

+ Loại II -Nhóm B:

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa, mặt cắt đường $B_n = 9,5m$ ”.

- Phường Bến Tầm:

+ Loại I -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Các đường còn lại của khu dân cư Trung Tâm” từ Loại I - Nhóm A thành Loại I - Nhóm B.

c) Sửa đổi, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 3. Thị xã Kinh Môn của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Phường Phú Thứ:

+ Loại I - Nhóm B:

Bổ sung:

“Đường gom Quốc lộ 17B thuộc Khu dân cư dịch vụ thương mại phía Bắc thị trấn Phú Thứ (nay là phường Phú Thứ)”;

“Đường đôi mặt cắt $B_n = 28m$ thuộc Khu dân cư dịch vụ thương mại phía Bắc thị trấn Phú Thứ (nay là phường Phú Thứ)”.

+ Loại I - Nhóm C:

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư dịch vụ thương mại phía Bắc thị trấn Phú Thứ (Nay là phường Phú Thứ) có mặt cắt đường $13,5m \leq B_n < 28m$ ”.

- Phường An Phụ:

+ Loại I - Nhóm B:

Bổ sung:

“Đường gom thuộc Khu dân cư mới phía Đông phường An Phụ, thị xã Kinh Môn”;

“Đường gom thuộc Khu dân cư mới phường An Phụ, thị xã Kinh Môn”;

“Đường trong Khu dân cư mới phía Đông phường An Phụ, thị xã Kinh Môn có mặt cắt đường $B_n \geq 13,5m$ ”;

“Đường trong Khu dân cư mới phường An Phụ, thị xã Kinh Môn có mặt cắt đường $B_n \geq 13,5m$ ”.

+ Loại I -Nhóm C:

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư mới phường An Phú, thị xã Kinh Môn có mặt cắt đường Bn < 13,5m”.

- Phường Hiệp Sơn:

+ Loại I -Nhóm B:

Sửa đổi:

“Các đường còn lại trong Điểm dân cư mới thuộc phường Hiệp Sơn và trong cụm dân cư khu công nghiệp Hiệp Sơn” thành “Các đường còn lại trong Điểm dân cư mới thuộc phường Hiệp Sơn và trong khu dân cư cụm công nghiệp Hiệp Sơn”.

d) Bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 4. Huyện Nam Sách của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

Thị trấn Nam Sách:

- Loại I - Nhóm A:

Bổ sung:

“Đường đôi trục chính của Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách (đoạn từ điểm giao cắt đường Nguyễn Đăng Lành (TL390) đi xã Nam Hồng đến điểm giao cắt đường Nguyễn Đức Sáu)”.

- Loại I -Nhóm B:

Bổ sung:

“Đường đối diện Quảng trường (hướng Nam) thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”;

“Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (UBND thị trấn cũ) đến lô đất CX06 giáp xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”;

“Đường giao cắt đường Nguyễn Đăng Lành (TL390) đến xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”;

“Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (BHXH cũ) đến lô đất giáo dục thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”;

“Đường đối diện hồ bán nguyệt (02 bên) thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”;

“Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (Trạm thú y cũ) đến lô đất CX3 giáp xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”;

“Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (cạnh Trung tâm y tế huyện) đến lô đất P02 giáp xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”.

- Loại I -Nhóm C:

Bổ sung:

“Các đường còn lại thuộc dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách”.

đ) Bổ sung các vị trí đất tại Bảng 6. Huyện Thanh Hà của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

Thị trấn Thanh Hà:

- Loại II -Nhóm B:

Bổ sung:

“Trục khu 6 (đường, phố trong phạm vi thị trấn có mặt cắt đường $\geq 4m$)”;

“Khu tập thể (đường, phố trong phạm vi thị trấn có mặt cắt đường $\geq 4m$)”.

e) Bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 7. Huyện Tứ Kỳ của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

Thị trấn Tứ Kỳ

- Loại II - Nhóm A:

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư mới Newland (tuyến đường song song và cạnh đường 391, mặt cắt đường 1-1)”;

“Đường trong Khu dân cư mới An Nhân Đông (tuyến đường song song và cạnh đường 391, mặt cắt đường 1-1)”.

- Loại II - Nhóm B:

Bổ sung:

“Đường trong Khu dân cư mới Newland (tuyến đường có mặt cắt 2-2; mặt cắt 3-3; mặt cắt 4-4)”;

“Đường trong Khu dân cư mới An Nhân Đông (các tuyến đường còn lại)”;

“Đường trong Khu dân cư mới Newland (các tuyến đường còn lại)”.

g) Sửa đổi, bổ sung các vị trí đất tại Bảng 9. Huyện Cẩm Giàng của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Thị trấn Lai Cách:

+ Loại I -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Đường 394 đoạn từ giáp Quốc lộ 5 đến Trạm y tế thị trấn” thành “Đường Tuệ Tĩnh/ĐT.394 (đoạn 2: Đường nội thị huyện quản lý - từ giáp Quốc lộ 5 đến hết đất trụ sở UBND thị trấn)”;

+ Loại I -Nhóm B:

Sửa đổi:

“Quốc lộ 5 (đoạn từ Ban chỉ huy Quân sự huyện đến chân cầu Vượt)” thành “Quốc lộ 5 (đoạn từ Ban chỉ huy Quân sự huyện đến giáp công ty TNHH Hải Nam)”;

“Đường 394 (đoạn từ Bru điện huyện đến hết khu dân cư thôn Ngọ, thị trấn Lai Cách - hướng đi về Cầu Cây)” thành “Đường Tuệ Tĩnh/ĐT394 (Đoạn 2: Đường nội thị huyện quản lý (dài 634m) - từ Bru điện huyện đến ngã ba đường cầu vượt QL5; Đoạn còn lại: ĐT.394 Km5+250 đến Km5+980 - Từ ngã ba đường cầu vượt QL5 đến hết khu dân cư thôn Ngọ, Thị trấn Lai Cách - hướng đi về cầu Cây)”;

+ Loại I -Nhóm C:

Sửa đổi:

“Đường 394 (đoạn còn lại trong phạm vi thị trấn)” thành “Đường Tuệ Tĩnh/ĐT 394 (Đoạn 1: Đường tỉnh 394 Km3+730 đến Km4+200)”.

+ Loại II -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Đường nội thị (từ Kho bạc Nhà nước huyện qua Đài tưởng niệm đến ngã 3 rẽ trái đến điểm giao cắt với đường 394)” thành 2 vị trí: “Phố Nguyễn Danh Nho (Khu nội thị - thị trấn Lai Cách; Điểm đầu: Quốc lộ 5 Km43+500, điểm cuối: đường Tuệ Tĩnh/ĐT.394 Km5+500)” và “Phố Vũ Hữu (Khu nội thị - thị trấn Lai Cách; Điểm đầu: Đường Tuệ Tĩnh/ĐT.394 Km5+200, điểm cuối: Phố Nguyễn Danh Nho)”.

+ Loại II -Nhóm C:

Sửa đổi:

“Đường nội thị từ đường gom QL5 đi qua khu vườn hoa của huyện cắt đường 394, qua Viện Kiểm sát nhân dân và phòng Giáo dục - Đào tạo huyện đến ngã tư Đài phát thanh huyện” thành “Phố Mạc Đĩnh Chi (Khu nội thị - thị trấn Lai Cách; Điểm đầu: Quốc lộ 5 km44+00, điểm cuối: Hết công ty Trường Thành).

Bổ sung:

“Phố Phạm Sư Mạnh (Khu nội thị - thị trấn Lai Cách; Điểm đầu: Phố Vũ Hữu, điểm cuối: Phố Nguyễn Danh Nho)”.

- Thị trấn Cẩm Giàng:

+ Loại I -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Đường Độc Lập (đoạn từ Cầu Sắt đến giáp nghĩa địa cũ)” thành “Đường Độc Lập/ĐT.394C (Điểm đầu: Đầu cầu Sắt Cẩm Giàng, điểm cuối: Đường tỉnh 394C Km1+800)”.

+ Loại I -Nhóm B:

Sửa đổi:

“Đường Chiến Thắng (đoạn tiếp giáp đường Độc Lập kéo dài đến tiếp giáp đường Vinh Quang)” thành “Đường Chiến Thắng (Điểm đầu: Đường Độc Lập, điểm cuối: đường Vinh Quang)”;

“Đường Thanh Niên (từ nhà ông Hưng Tâm (thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6) vòng lên giáp nhà ông Chín Hòa (Thửa đất số 44, tờ BĐĐC số 6)” thành “Đường Thanh Niên (Điểm đầu: Đường Độc Lập/ĐT.394C, điểm cuối: Đường Chiến Thắng)”;

“Đường Vinh Quang (từ nhà bà Trường Dũng (Thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 7) đến hết địa phận thị trấn)” thành “Đường Vinh Quang (Điểm đầu: Đường Độc Lập/ĐT.394C, điểm cuối: giáp cầu Sen, khu dân cư xã Lâm Thao - Lương Tài - Bắc Ninh)”;

“Đường từ cửa ga Cẩm Giàng đến đường Độc Lập” thành “Phố Ga (Điểm đầu: Đường Độc Lập/ĐT.394C, điểm cuối: ga Cẩm Giàng)”.

+ Loại II -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Đường Thạch Lam (từ nhà ông Thính (Thửa đất số 46, tờ BĐĐC số 10) đến hết lò vôi)” thành “Đường Thạch Lam (Điểm đầu: Đường Độc Lập/ĐT.394C, điểm cuối: giáp đường sắt)”;

“Đường Chiến Thắng (đoạn còn lại tiếp giáp đường Vinh Quang bắt đầu từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 04 đến hết khu nghĩa trang Đống Dai)” thành “Đường Chiến Thắng (trước đây) (Đoạn tiếp giáp đường Vinh Quang bắt đầu từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 4 đến hết khu nghĩa trang Đống Dai)”.

h) Sửa đổi, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 10. Huyện Bình Giang của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

Thị trấn Kê Sắt:

- Loại I -Nhóm B:

Sửa đổi:

“Quốc lộ 38 (đoạn từ đầu cầu Sắt đến ngã 5 mới)” thành “Đường Văn Lang/QL38 (đoạn từ đầu cầu Sắt đến ngã 5 mới)”;

- Loại I -Nhóm C:

Sửa đổi:

“Đường vào cổng giữa chợ Sắt (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến đường Thanh Niên)” thành “Đường vào cổng giữa chợ Sắt (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Thanh Niên)”;

“Thanh Niên (đoạn từ đường Quang Trung đến Đền Thánh)” thành “Phố Thanh Niên (đoạn từ phố Quang Trung đến phố Đền Thánh)”;

“Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn từ Ngã 5 mới đến Khu dân cư Toàn Gia 1)” thành “Đất ven Quốc lộ 38 - Đường Văn Lang (đoạn từ Ngã 5 mới đến Khu dân cư Toàn Gia 1)”.

- Loại II -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Đường 392 (đoạn từ cổng cầu Sộp đến ấp Thanh Bình)” thành “Đường Thống nhất (Đoạn từ cổng cầu sộp đến Chi cục thuế khu vực Cẩm Bình)”.

- Loại II -Nhóm B:

Sửa đổi:

“Đền Thánh (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến đường Thanh Niên)” thành “Phố Đền Thánh (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến phố Thanh Niên)”;

“Đất thuộc khu dân cư xã Tráng Liệt (đoạn từ cổng Cầu Vòng đến cụm làng nghề thị trấn Kẻ Sặt)” thành “Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ cổng cầu Vòng đến cổng nhà thờ Giáo xứ Kẻ Sặt)”;

“Đất ven quốc lộ 38 (đoạn từ Khu dân cư mới xã Tráng Liệt (Khu Toàn Gia 1) đến cổng Tranh)” thành “Đất ven Quốc lộ 38 - Đường Văn Lang (đoạn thuộc Khu dân cư Toàn Gia 1 đến cổng Tranh)”;

Bổ sung:

“Đường Lạc Long Quân (Đoạn từ Ngã 5 cũ đến Điểm khu Thượng)”;

“Đường Đinh Tiên Hoàng (Giáp đường tỉnh 395 đến Chi cục Thống kê)”.

- Loại III -Nhóm A:

Sửa đổi:

“Đền Thánh (đoạn từ đường Thanh Niên đến đường Bạch Đằng)” thành “Phố Đền Thánh (đoạn từ phố Thanh Niên đến phố Bạch Đằng)”;

“Đường Bạch Đằng” thành “Phố Bạch Đằng”;

“Đường Lê Quý Đôn” thành “Phố Lê Quý Đôn”;

“Thanh niên (đoạn từ đường Đền Thánh đến đường Lê Quý Đôn)” thành “Phố Thanh niên (đoạn từ phố Đền Thánh đến phố Lê Quý Đôn)”;

Bổ sung:

“*Đường Lạc Long Quân (Đoạn từ Điểm khu Thượng đến cống Tranh)*”;
 “*Phố Âu Cơ*”.

- Loại III -Nhóm B:

Sửa đổi:

“*Quang Trung (đoạn từ đường Thanh Niên đến bờ sông)*” thành “*Phố Quang Trung (đoạn từ phố Thanh Niên đến bờ sông)*”;

Bổ sung:

“*Phố Nhà Thờ*”; “*Phố Hòa Bình*”; “*Phố Nhà Chung*”.

- Loại III -Nhóm C:

Bổ sung:

“*Phố Nhân Hòa*”; “*Phố Giải Phóng*”.

3. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV - Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) quy định tại Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như Phụ lục III kèm Nghị quyết này.

4. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục V - Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) quy định tại Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như Phụ lục IV kèm Nghị quyết này.

5. Sửa đổi Điểm e, Điểm g, Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương thành Điểm e: “*Bảng giá đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*”.

Sửa đổi Phụ lục VI- Bảng giá đất thương mại, dịch vụ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và Phụ lục VII -Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) tại Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương thành Phụ lục V đính kèm Nghị quyết này./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG